

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/DS-ST
Ngày: 20-9-2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**;

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đình Thanh Bình**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/2017/TLST-DS, ngày 07/6/2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐXXST-DS, ngày 24/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/10/2016 ÂL bà có cho bà Nguyễn Thị D mượn bằng 25.000.000 đồng, bà D có viết cho bà một biên nhận trong sổ của bà, trong biên nhận không có ghi ngày, tháng, năm mượn tiền, trong biên nhận còn ghi chiều mai đưa đủ, ngày cho mượn tiền là bà tự nhớ, giấy mượn tiền ghi lúc 4 giờ chiều tại nhà bà. Do chiều ngày sau bà D không có tiền trả nên bà D có thỏa thuận là tiền mượn bà D để đóng lãi cho bà, không có ghi lại biên nhận, còn lãi suất chưa

có thỏa thuận, “*bà có nói sau này hỏi người ta bao nhiêu thì trả cho bà bấy nhiêu*”. Tiền bà D không đóng lãi và cũng không trả lại vốn cho bà.

Ngày 15/01/2017 DL, bà D hỏi mượn bằng 25.380.000 đồng, bà D có viết cho bà một biên nhận bằng tờ lịch, trong biên nhận không có ghi ngày, tháng, năm mượn tiền, ngày cho mượn tiền là bà tự nhớ, tiền mượn bà D hứa 01 tháng trả cho bà, do tới ngày trả tiền bà D không có tiền trả nên bà D tự hứa sẽ đóng lãi cho bà, không có ghi lại biên nhận, còn lãi suất chưa có thỏa thuận, “*bà có nói sau này hỏi người ta bao nhiêu thì trả cho bà bấy nhiêu*”. Tiền bà D không đóng lãi và cũng không trả vốn cho bà. Tổng cộng 02 khoản bà D mượn bằng 50.380.000 đồng.

Nay bà K yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị D trả cho bà bằng 50.380.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Hai biên nhận ghi số bằng 50.380.000 đồng bà K khởi kiện là do bà tự viết, mục đích bà viết 02 biên nhận là tính tiền hụi với bà K, do bà làm chủ đầu thảo hụi của rất nhiều dây hụi. Cụ thể từng phần hụi bà thiếu bà K như sau:

1. Dây hụi loại hụi 500.000 đồng, khai vào ngày 22/12/2014 DL, bà K 04 phần, bà K hốt hụi bà còn thiếu lại 10.000.000 đồng.

2. Dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/3/2014, bà K tham gia 01 phần, bà K hốt hụi bà còn thiếu lại 20.000.000 đồng.

3. Dây hụi loại hụi 500.000 đồng, khai ngày 25/01/2015, bà K tham gia 03 phần, bà K hốt hụi bà thiếu lại 10.000.000 đồng.

4. Dây hụi loại hụi 500.000 đồng, khai ngày 10/7/2015 DL, bà K tham gia 06 phần, bà K hốt hụi bà còn nợ lại bà K lại 6.000.000 đồng.

5. Dây hụi loại hụi 500.000 đồng, khai ngày 25/7/2014, bà K tham gia 02 phần, bà K hốt hụi bà còn thiếu lại 6.000.000 đồng.

6. Dây hụi loại hụi 500.000 đồng, khai ngày 25/7/2014, bà K tham gia 02 phần, bà K hốt hụi bà còn thiếu lại 6.000.000 đồng.

7. Dây hụi loại hụi 300.000 đồng, khai ngày 25/4/2015 DL, bà K tham gia 04 phần, bà K hốt hụi bà còn thiếu lại 3.000.000 đồng.

Đối với các phần hụi trên bà thiếu bà K tổng cộng bằng 60.000.000 đồng (có luôn 02 biên nhận bà K khởi kiện bà), sau khi trả xong bà K mới đồng ý ra Ủy ban xã B cho bà mượn lại 60.000.000 đồng, ngày bà K xác định của 02 biên nhận trên bà không đồng ý.

Nay bà không đồng ý trả cho bà K bằng 50.380.000 đồng, đây là tiền hụi bà đã trả rồi.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Không có

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Lê Thị K yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả cho bà K bằng 50.380.000 đồng; Bà D không đồng ý trả theo yêu cầu của bà K.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, vị đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K buộc bà Nguyễn Thị D hoàn trả tiền vay bằng 50.380.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú ở ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] *Về nội dung*:

Bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả tiền vay bằng 50.380.000 đồng và bà K có cung cấp 02 biên nhận nhận tiền nhưng không ghi ngày, tháng, năm. Bà Nguyễn Thị D thừa nhận 02 biên nhận bà K khởi kiện là do bà viết nhưng bà viết 02 biên nhận là để tính tiền nợ hui với bà K, tiền bà đã trả xong nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K có cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận để chứng minh cho việc bà D có nợ bà bằng 50.380.000 đồng. Qua hòa giải, đối chất và tại phiên tòa bà D không thống nhất 02 biên nhận bà K khởi kiện là tiền vay mà bà cho rằng đó là giấy tính tiền hui giữa bà và bà K để bà giao hui cho bà K bằng 60.000.000 đồng (có 02 biên nhận bà K đang khởi kiện bà bằng 50.380.000 đồng cộng với số tiền bà giao bên ngoài không ghi biên nhận), bà K thừa nhận có tham gia góp hui do bà D làm chủ đầu thảo của rất nhiều dây hui, những dây hui bà D trình bày do lâu quá bà không nhớ hình thức tham gia góp hui, nhưng bà thừa nhận có nhận của bà D trả bằng 60.000.000 đồng tiền hui, còn tiền bà kiện là tiền vay không phải tiền hui.

Xét thấy, nội dung hợp đồng vay tài sản giữa các bên khi giao dịch phải có đối tượng của hợp đồng, có thời hạn, địa điểm và phương thức thực hiện hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng. Trong quá trình giải quyết Tòa án có thu thập được các biên nhận vay tiền giữa bà K, bà D thể hiện việc bà K có giao dịch vay tiền với bà D nhiều lần, tại biên nhận ngày 10/12/2016 (bút lục 43) biên nhận hiện nay bà K đang khởi kiện bà D Tòa án thụ lý ngày 09/02/2017, thể hiện việc vay tiền là có ghi ngày, tháng, năm cho vay và có thỏa thuận nghĩa vụ khi vi phạm hợp đồng, cụ thể số tiền vay, có bên nhận tiền, biên giao tiền và có người làm chứng, còn có các

biên nhận ngày 30/11/2016 (but lục 41), biên nhận ngày 06/9/2016 (bút lục 42) do bà K cung cấp cho Tòa án cũng có thể hiện ngày, tháng, năm cho vay. Xét qua 02 biên nhận mà bà K cung cấp khởi kiện bà D không có ghi ngày, tháng, năm cho vay, không thể hiện số tiền ghi trong 02 biên nhận là tiền gì nên không xác định được đó có phải là tiền bà K cho bà D vay hay không và có 01 biên nhận đối với số tiền 25.000.000 đồng bà D có ghi chiều mai đưa đủ nên yêu cầu của bà K là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận.

[4] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 93, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K yêu cầu bà Nguyễn Thị D hoàn trả số tiền vay bằng 50.380.000 đồng.

2. **Về án phí**: Buộc bà Lê Thị K phải chịu 2.519.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (50.380.000 đồng x 5%), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 1.259.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0011437 ngày 07/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Bà Lê Thị K còn phải nộp tiếp 1.259.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí.

3. **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn – Nguyễn Văn Bé

Dương Thị Mỹ Châm